

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 52, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Ngọc Hải Anh	01	31	8,0	Tám	
2	Phạm Tuấn Anh	02	49	7,0	Bảy	
3	Phùng Hà Tùng Anh	03	75	8,0	Tám	
4	Tạ Văn Cần	04	21	7,5	Bảy rưỡi	
5	Đỗ Ngọc Cảnh	05	70	7,0	Bảy	
6	Liều Văn Chè	06	52	7,5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Thị Kim Chi	07	68	7,5	Bảy rưỡi	
8	Trịnh Quang Chiến	08	59	7,0	Bảy	
9	Chu Văn Chiến	09	16	7,0	Bảy	
10	Phạm Văn Công	10	66	7,0	Bảy	
11	Phạm Hùng Cường	11	78	7,0	Bảy	
12	Lê Minh Cường	12	37	8,0	Tám	
13	Đào Thị Dung	13	60	8,0	Tám	
14	Thân Thị Thùy Dung	14	48	7,0	Bảy	
15	Phạm Trọng Đạt	15	38	7,0	Bảy	
16	Lê Thị Thanh Định	16	74	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Đình Đức	17	54	7,5	Bảy rưỡi	
18	Vũ Thị Hương Giang	18	76	8,5	Tám rưỡi	
19	Trần Trường Giang	19	09	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Văn Giáp	20	64	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Mạnh Hà	21	19	7,5	Bảy rưỡi	
22	Trần Thị Thu Hà	22	46	7,0	Bảy	
23	Nguyễn Thị Thu Hà	23	06	8,0	Tám	
24	Nguyễn Ngọc Hà	24	05	7,5	Bảy rưỡi	
25	Hà Thị Ninh Hải	25	18	7,5	Bảy rưỡi	
26	Mai Khắc Hải	26	72	7,0	Bảy	
27	Nguyễn Thanh Hải	27	57	7,0	Bảy	
28	Phùng Thị Thu Hằng	28	40	8,0	Tám	
29	Tô Thị Hào	29	27	7,0	Bảy	
30	Phạm Thị Hào	30	28	8,0	Tám	
31	Nông Thị Hiền	31	10	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Hiệp	32	04	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Văn Học	33	29	7,5	Bảy rưỡi	
34	Đinh Thị Hồi	34	15	8,0	Tám	
35	Đồng Thị Hồng	35	35	8,0	Tám	
36	Hà Bùi Huệ	36	23	8,0	Tám	
37	Nguyễn Thị Hương-1979	37	17	8,0	Tám	
38	Nguyễn Thị Hương-1987	38	11	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Quang Huy	39	03	7,5	Bảy rưỡi	
40	Ngô Mai Lan	40	01	8,0	Tám	
41	Hoàng Trung Lâm	41	53	7,5	Bảy rưỡi	
42	Đàm Văn Lập	42	32	7,0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Hải Linh	43	24	7,0	Bảy	
44	Cà Thị Thùy Linh	44	82	8,0	Tám	
45	Mai Thùy Linh	45	69	7,0	Bảy	
46	Nguyễn Mạnh Linh	46	55	7,5	Bảy rưỡi	
47	Phạm Thị Loan	47	79	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
48	Âu Thị Bích Lựu	48	84	7,5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Thị Luyên	49	62	8,0	Tám	
50	Triệu Văn Mạnh	50	85	7,0	Bảy	
51	Hứa Thị Thu Minh	51	42	7,5	Bảy rưỡi	
52	Đinh Hoàng Nam	52	67	8,0	Tám	
53	Lưu Công Nam	53	41	7,0	Bảy	
54	Lăng Xuân Ngọc	54	77	7,0	Bảy	
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	55	61	7,5	Bảy rưỡi	
56	Phạm Kiều Nhi	56	71	8,0	Tám	
57	Nguyễn Thúy Hoài Nhi	57	20	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Nhung	58	87	8,0	Tám	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	59	22	8,0	Tám	
60	Trần Kim Oanh	60	08	8,0	Tám	
61	Trịnh Thái Phương	61	30	7,0	Bảy	
62	Hoàng Văn Quang	62	26	7,0	Bảy	
63	Tô Quyền	63	80	7,0	Bảy	
64	Đào Như Quỳnh	64	33	7,5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1986	65	65	8,0	Tám	
66	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1989	66	86	7,5	Bảy rưỡi	
67	Đỗ Đức Thành	67	36	7,5	Bảy rưỡi	
68	Trần Thị Bích Thảo	68	13	8,0	Tám	
69	Bùi Xuân Thịnh	69	12	7,0	Bảy	
70	Đào Xuân Thu	70	44	8,0	Tám	
71	Nguyễn Đắc Phong	71	83	7,0	Bảy	
72	Trần Thị Thúy Thương	72	14	7,0	Bảy	
73	Nguyễn Thị Hồng Thúy	73	-	-	-	Vắng thi
74	Bùi Thị Phương Thúy	74	88	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
75	Nguyễn Thị Thanh Thùy	75	25	7,5	Bảy rưỡi	
76	Mông Thị Thùy	76	34	7,5	Bảy rưỡi	
77	Tạ Thị Thủy	77	39	7,0	Bảy	
78	Nguyễn Mạnh Tiến	78	63	7,0	Bảy	
79	Ngô Quốc Toàn	79	43	8,0	Tám	
80	Trần Thị Thùy Trang	80	47	7,0	Bảy	
81	Nguyễn Thị Thu Trang	81	02	7,5	Bảy rưỡi	
82	Nguyễn Thị Như Trang	82	51	8,0	Tám	
83	Đỗ Hiếu Trung	83	58	8,0	Tám	
84	Đỗ Đức Trung	84	81	7,0	Bảy	
85	Mai Thanh Tú	85	45	7,0	Bảy	
86	Lê Thanh Tuấn	86	56	8,0	Tám	
87	Nguyễn Văn Tùng	87	73	8,0	Tám	
88	Nguyễn Lệ Tuyết	88	50	8,0	Tám	
89	Nguyễn Ngọc Vân	89	07	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên